

Phòng GD&ĐT quận Bình Thạnh
Trường Mầm non 11B

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 15 tháng 05 năm 2025

STT	Diễn giải	Tổng cộng			
		Đơn vị tính	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
	Hôm trước chuyển sang				113,109
	Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày		37,000	267	9,879,000
	Được chi trong ngày				9,992,109
	Đã chi trong ngày				9,887,755
	1. Dịch vụ				267,000
1	Gas sáng		0	267	0
2	Gas trưa		1,000	267	267,000
	2. Kho				279,000
	Ăn chính				279,000
1	sữa meta care từ 1-6 tuổi	Kg	279,000	1	279,000
	3. Đi chợ				9,341,755
	Ăn chính				9,341,755
1	Gạo tẻ	Kg	27,300	13	354,900
2	Hành lá (hành hoa)	Kg	78,750	0.3	23,625
3	Hành tây	Kg	36,750	1	36,750
4	Rau ngò	Kg	147,000	0.2	29,400
5	Su su	Kg	23,100	3	69,300
6	Tỏi	Kg	78,750	0.2	15,750
7	Cải thảo	Kg	36,750	4	147,000
8	Cải bó xôi	Kg	75,600	1	75,600
9	Thịt nạc	Kg	199,500	3.5	698,250
10	Trứng gà	Trứng	4,620	30	138,600
11	Đường kính	Kg	38,850	4	155,400
12	Bột bắp	Gói	15,120	16	241,920
13	Muối iốt	Gói	5,500	1	5,500
14	dầu mè đen	Chai	78,840	1	78,840
15	Tóc tiên	Gói	756,000	0.05	37,800
16	Nấm đùi gà	Kg	94,500	1	94,500
17	Bột chiên giòn	Gói	14,040	11	154,440
18	Dầu ăn Tường An 1L	Lít	66,960	3	200,880
19	Thịt gà phi lê	Kg	110,250	2.5	275,625
20	Nước mắm Hồng Hạnh	Chai	78,840	2	157,680
21	Sữa chua(yaourt)	Hộp	7,260	267	1,938,420
22	Trứng gà ta	Trứng	7,350	3	22,050
23	Cá chẽm phi lê	Kg	357,000	12	4,284,000
24	Củ hành tím	Kg	68,250	0.2	13,650
25	Cà rốt	Kg	36,750	2.5	91,875
	Chi kho lũy kế từ đầu tháng				3,627,000
	Chi chợ lũy kế từ đầu tháng				80,233,646
	Suất ăn lũy kế từ đầu tháng			2,336	
	Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng				86,432,000
	Đã chi lũy kế từ đầu tháng				86,327,646
	Chênh lệch cuối ngày				104,354

Kế toán

Lương Thị Thân Thương

Phó hiệu trưởng

Nguyễn Thị Diệp Thúy